

QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 89, Điều 91, Điều 101 và Điều 102 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 12; Điều 14, Điều 15 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; khoản 1 Điều 11 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Căn cứ Kết quả phân tích ADN huyết thống số: KQ2509399.12 ngày 30/9/2025 của Phòng khám Đ1 Số 11 thuộc Công ty TNHH M, có địa chỉ: số B D, Cầu G, Hà Nội.

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 01 tháng 12 năm 2025 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án Hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: 05/2025/TLST-HNGĐ ngày 28/10/2025 về việc “*Tranh chấp về xác định cha cho con*”.

XÉT THẤY

Các thỏa thuận của đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành ngày 01 tháng 12 năm 2025 về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện, nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bùi Thị H, sinh năm 1991, số CCCD 017191008594, cấp ngày 23/3/2024, nơi cấp: Cục Cảnh sát về TTXH -Bộ Công An; Nơi cư trú: xóm T, xã A, L, Hòa Bình (Nay là: xóm T, xã Đ, tỉnh Phú Thọ).

- *Bị đơn*: Anh Bùi Văn V, sinh năm 1988, số CCCD 017088001626; cấp ngày 23/4/2021, nơi cấp: Cục Cảnh sát về TTXH -Bộ Công An ; Nơi cư trú: xóm T, xã A, L, Hòa Bình. Nay là: xóm T, xã Đ, tỉnh Phú Thọ.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1984. Nơi cư trú: thôn B, xã C, tỉnh Đắk Lắk.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Xác định anh Bùi Văn V, sinh năm 1988 (*Căn cước công dân số 017088001626; cấp ngày 23/4/2021, nơi cấp: Cục cảnh sát QLHCVTTXH*). Nơi cư trú: xóm T, xã Á, L, Hòa Bình (Nay là xóm T, xã Đ, tỉnh Phú Thọ) là cha đẻ cháu Bùi Thị H1 (*dự kiến đặt tên*), sinh ngày 13/6/2025, theo giấy chứng sinh số 1620 ngày 18/06/2025 của Trung tâm y tế huyện Y, tỉnh Hòa Bình cũ và kết quả phân tích ADN huyết thống số: KQ2509399.12 ngày 30/9/2025 của Phòng khám Đ1 Số 11 thuộc Công ty TNHH M, có địa chỉ: số B D, Cầu G, Hà Nội.

Chị Bùi Thị H và anh Bùi Văn V có các quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với cháu Bùi Thị H1 theo quy định của pháp luật.

2.2 Về án phí: Chị Bùi Thị H và anh Bùi Văn V được miễn nộp tiền án phí định cha cho con chưa thành niên theo quy định của pháp luật.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp Quyết định này được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Thọ;
- VKSND Khu vực 15 – Phú Thọ;
- THADS tỉnh Phú Thọ ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Bùi Minh Giang

Nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án “Tranh chấp xác định cha, mẹ cho con” được quy định cụ thể tại điểm b khoản 2 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/2/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án, tạm ứng án phí, tạm ứng lệ phí Tòa án (sau đây viết tắt là NQ 326) và tiểu mục 11 Mục IV Công văn số 89/TANDTC-PC ngày 30/6/2020 của Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn: “Tranh chấp về xác định cha, mẹ cho con là thuộc trường hợp tranh chấp quy định tại khoản 4 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự cho nên đây là loại án hôn nhân và gia đình”;

Tại Điều 27 của Nghị quyết số 326 không quy định cụ thể về án phí đối với loại tranh chấp này cho nên phải áp dụng khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ quy định tại khoản 1, khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết số 326: “Đương sự phải chịu án phí sơ thẩm nếu yêu cầu của họ không được Tòa án chấp nhận, trừ trường hợp được miễn hoặc không phải chịu án phí sơ thẩm...Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần yêu cầu không được Tòa án chấp nhận. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần yêu cầu của nguyên đơn đối với bị đơn được Tòa án chấp nhận” để tính án phí, trừ trường hợp quy định tại Điều 11, Điều 12, Điều 13 của Nghị quyết số 326.

Theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326 thì trường hợp “Người yêu cầu cấp dưỡng, xin xác định cha, mẹ cho con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự thì được miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí” .

Theo hướng dẫn nêu trên, xác định nghĩa vụ nộp án phí dân sự khi giải quyết tranh chấp xác định cha, mẹ cho con được chia làm hai trường hợp:

- Trường hợp thứ nhất: Xác định cha mẹ cho con đã thành niên thì nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần yêu cầu không được Tòa án chấp nhận và ngược lại bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trong trường hợp toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận, trừ trường hợp được miễn hoặc không phải chịu án phí sơ thẩm.

- Trường hợp thứ hai: Xác định cha, mẹ cho con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự thì người yêu cầu được miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí. Do đó, đối với vụ án “Tranh chấp xác định cha, mẹ cho con” chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự mà không hòa giải được và phải đưa ra xét xử thì bị đơn phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Tuy nhiên: Vừa qua, Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao ban hành [Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP](#) quyết vụ án hôn nhân và gia đình đã tại Điều 11 như sau: “1. ***Đương sự phải chịu án phí trong vụ án tranh chấp về xác định cha, mẹ cho con theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết 326*** xác định cha, mẹ cho con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự” .

Do vậy, hiện nay có hai cách hiểu khác nhau:

Một là, theo quy định thì “Đương sự” gồm cả nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nên trong vụ án tranh chấp về xác định cha, mẹ cho con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự thì những người này đều được miễn nộp tạm ứng án phí và án phí.

Hai là, theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326 thì chỉ Người yêu cầu xin xác định cha, mẹ cho con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự thì được miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí”, Trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn (người yêu cầu) thì bị đơn hoặc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vẫn phải chịu tạm ứng án phí và án phí dân sự.

Như vậy, có sự mâu thuẫn giữa hai văn bản nêu trên.

Quan điểm của chúng tôi cho rằng: Phải áp dụng quy định tại Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 (theo cách hiểu thứ hai) vì theo quy định tại khoản 2 Điều 156 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 quy định: “2. Trong trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật có quy định khác nhau về cùng một vấn đề thì áp dụng văn bản có hiệu lực pháp lý cao hơn” do đó Nghị quyết của UBTVQH hiệu lực cao hơn Nghị quyết của HĐTP TANDTC.

Trên đây là một số cách hiểu khác nhau về việc xác định nghĩa vụ nộp án phí dân sự khi giải quyết tranh chấp xác định cha, mẹ cho con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự, trao đổi và mong nhận được các ý kiến thảo luận để việc áp dụng pháp luật được thống nhất.